

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 471/2019/HSST

Ngày 09 tháng 9 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Xây

2. Ông Đỗ Phụng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đ Minh –chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09Tháng 9 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 446/2019/HSST, ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2019/QĐXXST-HS ngày 08/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Nguyên Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 11/3/1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Kh, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn T (Đã chết), Con bà: Phạm Thị L; Có vợ: Lục Thị X, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không

Tiền án (01): Tại bản án số 112/2017/ HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù 06/11/2018;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Thị L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 31/7/1980; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề

nghiep: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết), Con bà: Nguyễn Thị H; Chồng: Chưa có; Có 01 con sinh ngày 02 tháng 7 năm 2017; Tiền sự: Không

Tiền án (01): Tại bản án số 130/2017/HSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Tại Quyết định số 167/ QĐ-XPVPHC ngày 17/5/2002, Công an TP. Thái Nguyên, xử phạt 100.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong 20/5/2002.

Hiện bị cáo đang đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10 - Bộ Công an trong 01 vụ án khác từ ngày 15/7/2019. (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Đôn, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 14, phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Minh Tuấn, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 11, phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/5/2019, Triệu Nguyên Đ bắt xe đi từ huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn xuống khu vực bến xe khách cũ thuộc phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Sau đó một mình Đ đi lang thang tại khu vực bến xe cũ, đến khoảng 02 giờ sáng ngày 30/5/2019, Đ gặp Nguyễn Thị L (do quen nhau từ trước đó và đều là người nghiện ma túy), nên Đ và L đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đ và L đi bộ đến khu vực tổ 16, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, quan sát qua ô thoáng bờ tường rào nhà ông Lê Văn Trí (sinh năm 1969, ở tổ 16, phường Phan Đình Phùng) thấy trong sân có nhiều giò hoa phong lan, thấy xung quanh không có ai. Đ bảo L đứng ngoài cảnh giới, Đ trèo qua tường rào vào trong sân nhà ông Trí. Đ lấy trộm được 02 giò lan (loại phi điệp tím) đang treo trên giàn rồi đưa qua ô thoáng tường rào cho L, Đ quay lại tiếp tục lấy trộm 01 đôi giày lười màu đen nhãn hiệu KINGAI, 02 đôi giày thể thao nhãn hiệu NIKE đã qua sử dụng đưa qua tường rào cho L, rồi trèo qua tường rào thoát ra ngoài, cùng L cầm số tài sản

trộm cắp được mang đi tiêu thụ thì bị anh Nguyễn Mạnh T (sinh năm 1972, trú tại tổ 1, Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) và anh Nguyễn Văn Đ (trú tại tổ 14, Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên) bắt giữ và trình báo Công an phường Phan Đình Phùng đến lập biên bản sự việc đưa đối tượng về trụ sở công an phường tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận số 149 ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP Thái Nguyên, kết luận: 01 giò lan phi điệp tím gồm 09 thân tơ, trong đó 02 thân có chiều dài khoảng 1m, 03 thân có chiều dài 70cm, 04 thân có chiều dài khoảng 40cm; 10 mầm non dài trung bình khoảng 20 cm. Định giá 5.000.000đ; 01 giò lan phi điệp tím gồm 07 thân tơ, trong đó 03 thân có chiều dài khoảng 1m, 02 thân có chiều dài 70cm, 02 thân có chiều dài khoảng 40 cm; 09 mầm non dài trung bình khoảng 45 cm, 07 mầm dài trung bình khoảng 20 cm. Định giá 5.000.000đ; Một đôi giày dạng lười màu đen đề chữ KINGAI, đã qua sử dụng định giá 100.000đ; 02 đôi giày màu đen có chữ NIKE đã qua sử dụng định giá 200.000đ. Hội đồng định giá tài sản thành phố Thái Nguyên xác định tổng giá trị các tài sản trên là **10.300.000đ**.

Tại cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Nguyên, Nguyễn Thị L và Triệu Nguyên Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của Đ và L phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 giò lan phi điệp tím và 03 đôi giày đã qua sử dụng có đặc điểm nêu trên. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả lại cho ông Lê Văn Trí là chủ sở hữu quản L, chăm sóc và sử dụng. Ông Trí đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 437/CT-VKSTPTN ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Triệu Nguyên Đ và Nguyễn Thị L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; Anh Lê Văn Trí xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Triệu Nguyên Đ và bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự (Đối với bị cáo L); Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự (Đối với bị cáo Triệu Nguyên Đ).

Xử phạt: Triệu Nguyên Đ từ 15 đến 18 tháng tù.

Xử phạt: Nguyễn Thị L từ 15 đến 18 tháng tù.

* Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo Triệu Nguyên Đ và Nguyễn Thị L không đối đáp, tranh luận, nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận định giá. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Hồi 04 giờ 00 phút ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại tổ 16 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Triệu Nguyên Đ và Nguyễn Thị L có hành vi trộm cắp tài sản gồm 02 giò lan phi điệp màu tím, 03 đôi giày các loại đã qua sử

dụng có tổng trị giá 10.300.000 đồng của gia đình ông Lê Văn Trí. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, Đ và L đang trên đường mang đi tiêu thụ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ. Hiện tài sản đã được trả lại cho ông Trí quản lý, sử dụng ông Trí không có yêu cầu đề nghị gì.

Như vậy với hành vi nêu trên của các bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Bản cáo trạng số: 437/CT-VKSTPTN ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng: Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thấy: Trong vụ án giữa bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L có vai trò đồng phạm giản đơn, 02 bị cáo tham gia vụ án với vai trò cùng thực hiện tội phạm, đều thống nhất ý chí trong việc trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ là người thực hành, bị cáo L là người giúp sức do đó khi lượng hình áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp “Tái phạm” do đó các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục

bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng" do đó các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Văn Trí có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trí xác định đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự (Đối với bị cáo L); Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự (Đối với bị cáo Triệu Nguyên Đ).

* Xử phạt: Triệu Nguyên Đ 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 31/5/2019; Quyết định tạm giam bị cáo Triệu Nguyên Đ 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

* Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 130/2017/HSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2019. (Được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 17/01/2017 đến ngày 23/01/2017 của bản án số 130/2017/HSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, buộc các bị cáo Triệu Nguyên Đ, Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Trần Thị Minh Hải